

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
Số: 2198 /QB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Điện Biên Phủ, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục từ tháng 09 đến tháng 12/2024 (Năm học 2024-2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng - Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ tại Tờ trình số 389/TT- P.GD&ĐT, ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc phê duyệt danh sách học sinh được thụ hưởng các chế độ chính sách từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2024, năm học 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2024, (năm học 2024-2025).

(Cổ biểu tổng hợp và danh sách chi tiết kèm theo).

Tổng số học sinh và kinh phí cụ thể như sau:

I. Hỗ trợ chi phí học tập:

Tổng số học sinh:

Tổng kinh phí:

2.229 học sinh.

1.322.090.000 đồng.

2. Miễn, giảm học phí:

Tổng số học sinh:

Tổng kinh phí:

333.948.000 đồng.

Tổng kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn, giảm học phí (mục 1+2) là:

1.656.038.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu, không trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn).

Điều 2. Giao Trường phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ phối hợp với UBND các xã, phường có các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT chỉ đạo các trường tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ cho học sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND-UBND; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ, Chủ tịch UBND các xã, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Hoài Nam

Nơi nhận:

- TT. UBND TP;
- Lãnh đạo UBND TP;
- Phòng TCKH thành phố;
- Phòng GD&ĐT thành phố;
- Lưu: VT.

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025 (Từ tháng 09 đến tháng 12/2024)

(Kèm theo QĐ số 2198/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND TP Điện Biên Phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng																			
Số TT	Chi tiêu	Lớp	Đối tượng	Tổng cộng đối tượng	Đối tượng miễn (học sinh)			Đối tượng giảm 70% (học sinh)			Đối tượng giảm 50% (học sinh)			Mức thu học phí UBND tỉnh quyết định (triệu đồng/học sinh)			Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
					Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III			
2. Trường MN Hoa Ban				102	97	0	2	0	0	3	0	0	0				15,93		
1	Hồ Diệu Hiền	MG Bé B2	Thôn DBKK	1						1				0,040	0,030	0,025	4	0,07	
2	Đỗ Tâm An	MG Bé B2	Thôn DBKK	1										0,040	0,030	0,025	4	0,07	
3	Vàng Kiều Dung	MG Nhỡ C2	Hộ nghèo	1			1							0,040	0,030	0,025	4	0,10	
4	Hồ Thị Kiều Uyên	MG Nhỡ C2	Thôn DBKK	1						1				0,040	0,030	0,025	4	0,10	
5	Trần Văn Đạt	MG Lớn D1	Thôn DBKK	1										0,040	0,030	0,025	4	0,07	
6	Lò Trà Giang	MG Lớn D2	Khuyết tật	1			1							0,040	0,030	0,025	4	0,10	
7	Phạm Tùng Anh	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
8	Lưu Huyền Anh	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
9	Đỗ Trung Anh	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
10	Phan Tú Anh	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
11	Ng Phạm Việt Anh	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
12	Nguyễn Thái Bình	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
13	Trần Thảo Chi	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
14	Nguyễn Tiến Dũng	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
15	Nguyễn Minh Hà	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
16	Nguyễn Ngân Hà	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
17	Vũ Đức Hải	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
18	Lò Minh Hải	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
19	Đỗ Gia Hân	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
20	Lê Đức Hiếu	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
21	Trình Đức Huy	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	
22	Lò Thanh Huyền	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1		1								0,040	0,030	0,025	4	0,16	

Đơn vị tính: Triệu đồng

23	Nguyễn Hữu Minh K	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
24	Trần Duy Khoa	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
25	Quảng Minh Khôi	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
26	Đieu Minh Khôi	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
27	Quảng Minh Khuê	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
28	Trần Khánh Linh	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
29	Nguyễn Tiến Minh	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
30	Trần Khánh Ngân	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
31	Nguyễn Tuệ Nhi	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
32	Vũ Ngô Tuấn Phong	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
33	Bùi Thiên Phúc	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
34	Nguyễn Lan Phương	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
35	Nguyễn Xuân Tùng	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
36	Nguyễn Bảo Trâm	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
37	Đào Thái Trung	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
38	Lò Thị Nhã Uyên	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
39	Hoàng Thế Vinh	MG LỚN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
40	Trần Ngọc Anh	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
41	Nguyễn Bảo Anh	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
42	Nguyễn Ngọc Phương	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
43	Nguyễn Phùng Gia	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
44	Bùi Quốc Bảo	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
45	Trần An Chi	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
46	Vũ Tiến Đạt	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
47	Hoàng Đình Tiến Đạt	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
48	Nguyễn Hải Đăng	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
49	Nguyễn Ngọc Hân	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
50	Ngô Tiến Huy	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
51	Nguyễn Gia Hưng	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
52	Trần Đăng Khôi	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
53	Nguyễn Vũ Minh Kh	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16

54	Đoàn Minh Khuê	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
55	Đinh Mai Khuê	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
56	Nguyễn Ngọc Khuê	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
57	Nguyễn Anh Minh	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
58	Đặng Tấn Phát	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
59	Nguyễn Đình Hoàng	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
60	Hoàng Đức Phúc	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
61	Tô Lê Bảo Phúc	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
62	Ngô Xuân Phúc	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
63	Đỗ Tú Quyên	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
64	Phạm Thanh Tú	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
65	Nguyễn Phúc Thịnh	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
66	Hà Hoàng Song Thu	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
67	Phạm Thanh Trúc	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
68	Nguyễn Hoàng Thar	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
69	Lê Phúc Minh Uy	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
70	Nguyễn Hoàng Yên	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
71	Chu Bình An	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
72	Đinh Trần Khánh A	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
73	Vũ Nguyễn Bảo An	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
74	Hà Bảo An	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
75	Nguyễn Trang Anh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
76	Vân Vũ Diệu Anh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
77	Trần Đăng Quỳnh A	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
78	Trần Quỳnh Anh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
79	Phạm Bảo Anh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
80	Nguyễn Quỳnh Anh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
81	Vũ Nguyễn Bảo An	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
82	Hoàng Gia Bảo	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
83	Nguyễn Gia Bảo	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
84	Nguyễn Thùy Chi	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	

85	Phạm Phương Chi	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
86	Nguyễn Phương Di	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
87	Hoàng Ngọc Diệp	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
88	Nguyễn Hải Đăng	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
89	Trần Quang Đăng	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
90	Nguyễn Ngọc Bảo	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
91	Phạm Ngọc Gia Huy	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
92	Nguyễn Đăng Khoa	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
93	Lò Tuấn Khôi	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
94	Nguyễn Kim Ngân	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
95	Bùi Anh Nhật	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
96	Lương Minh Nhật	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
97	Nguyễn Đào Hạnh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
98	Mai Minh Quân	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
99	Dương Hoài Bảo	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
100	Chu Chí Thành	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
101	Nguyễn Ngọc Thấn	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16
102	Phạm Anh Thư	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025 (Từ tháng 09 đến tháng 12/2024)

Số TT	Chi tiêu	Lớp	Đối tượng	Tổng cộng đối tượng	Đối tượng miễn (học sinh)			Đối tượng giảm 70% (học sinh)			Đối tượng giảm 50% (học sinh)			Mức thu học phí UBND tỉnh quyết định (triệu đồng/học sinh)			Số tháng	Kinh phí	Chi chủ
					Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III			
	2. Trường MN Hoa Ban			102	97	0	2	0	0	3	0	0	0					15,93	
1	Hồ Dịu Hiền	MG Bé B2	Thôn ĐBK	1						1				0,040	0,030	0,025	4	0,07	
2	Đỗ Tâm An	MG Bé B2	Thôn ĐBK	1						1				0,040	0,030	0,025	4	0,07	
3	Vàng Kiều Dung	MG Nhỡ C2	Hồ nghèo	1			1							0,040	0,030	0,025	4	0,10	
4	Hồ Thị Kiều Uyên	MG Nhỡ C2	Thôn ĐBK	1						1				0,040	0,030	0,025	4	0,07	
5	Trâm	MG Lớn D1	Thôn ĐBK	1			1							0,040	0,030	0,025	4	0,10	
6	Lò Trà Giang	MG Lớn D2	Khuyết tật	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
7	Phạm Tùng Anh	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
8	Lưu Huyền Anh	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
9	Đỗ Trung Anh	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
10	Phan Tú Anh	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
11	Ng Phạm Việt Anh	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
12	Nguyễn Thái Bình	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
13	Trần Thảo Chi	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
14	Nguyễn Tiến Dũng	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
15	Nguyễn Minh Hà	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
16	Nguyễn Ngân Hà	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
17	Vũ Đức Hải	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
18	Lò Minh Hải	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
19	Đỗ Gia Hân	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
20	Lê Đức Hiếu	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
21	Trịnh Đức Huy	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
22	Lò Thanh Huyền	MG Lớn D1	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	

Đơn vị tính: Triệu đồng

23	Nguyễn Hữu Minh K	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
24	Trần Duy Khoa	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
25	Quảng Minh Khôi	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
26	Đieu Minh Khôi	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
27	Quảng Minh Khôi	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
28	Trần Khánh Linh	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
29	Nguyễn Tiến Minh	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
30	Trần Khánh Ngân	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
31	Nguyễn Tuệ Nhi	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
32	Vũ Ngô Tuấn Phong	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
33	Bùi Thiên Phúc	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
34	Nguyễn Lan Phương	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
35	Nguyễn Xuân Tùng	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
36	Nguyễn Bảo Trâm	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
37	Đào Thái Trung	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
38	Lò Thị Nhã Uyên	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
39	Hoàng Thế Vinh	MG LỒN D1	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
40	Trần Ngọc Anh	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
41	Nguyễn Bảo Anh	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
42	Nguyễn Ngọc Phươ	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
43	Nguyễn Phùng Gia	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
44	Bùi Quốc Bảo	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
45	Trần An Chi	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
46	Vũ Tiến Đạt	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
47	Hoàng Đình Tiến Đ	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
48	Nguyễn Hải Đăng	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
49	Nguyễn Ngọc Hân	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
50	Ngô Tiến Huy	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
51	Nguyễn Gia Hưng	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
52	Trần Đăng Khôi	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	
53	Nguyễn Vũ Minh K	MG LỒN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1															0,040	0,030	0,025	4	0,16	

54	Đoàn Minh Khuê	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
55	Đinh Mai Khuê	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
56	Nguyễn Ngọc Khuê	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
57	Nguyễn Anh Minh	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
58	Đặng Tấn Phát	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
59	Nguyễn Đình Hoàng	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
60	Hoàng Đức Phúc	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
61	Tô Lê Bảo Phúc	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
62	Ngô Xuân Phúc	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
63	Đỗ Tú Quyên	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
64	Phạm Thanh Tú	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
65	Nguyễn Phúc Thịnh	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
66	Hà Hoàng Song Thu	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
67	Phạm Thanh Trúc	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
68	Nguyễn Hoàng Thar	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
69	Lê Phúc Minh Uy	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
70	Nguyễn Hoàng Yến	MG LỚN D2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
71	Chu Bình An	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
72	Đinh Trần Khánh A	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
73	Vũ Nguyễn Bảo An	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
74	Hà Bảo An	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
75	Nguyễn Trang Anh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
76	Vân Vũ Diệu Anh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
77	Trần Đăng Quỳnh A	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
78	Trần Quỳnh Anh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
79	Phạm Bảo Anh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
80	Nguyễn Quỳnh Anh	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
81	Vũ Nguyễn Bảo An	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
82	Hoàng Gia Bảo	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
83	Nguyễn Gia Bảo	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
84	Nguyễn Thùy Chi	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	

85	Phạm Phương Chi	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
86	Nguyễn Phương Di	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
87	Hoàng Ngọc Diệp	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
88	Nguyễn Hải Đăng	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
89	Trần Quang Đăng	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
90	Nguyễn Ngọc Bảo H	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
91	Phạm Ngọc Gia Hu	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
92	Nguyễn Đăng Khoa	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
93	Lò Tuấn Khôi	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
94	Nguyễn Kim Ngân	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
95	Bùi Anh Nhật	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
96	Lương Minh Nhật	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
97	Nguyễn Đào Hạnh H	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
98	Mai Minh Quân	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
99	Dương Hoài Bảo T	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
100	Chu Chí Thành	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
101	Nguyễn Ngọc Thán	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	
102	Phạm Anh Thư	MG LỚN D3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16	

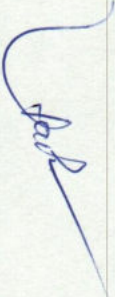
Tiền bằng chữ: (Mười năm triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn)

KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hạnh





Phạm Thị Lợi